ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 129 /KH-UBND	*Sơn La, ngày 22 tháng 5 năm 2019*

KẾ HOẠCH

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐIỀU CHỈNH HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO THEO CHUẨN NGHÈO GIAI ĐOẠN 2011-2015 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA ĐẾN NĂM 2020

(Theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ (Chương trình hỗ trợ nghèo 167 giai đoạn II)

Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 *(Chương trình hỗ trợ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2);*

Căn cứ Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015;

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Xây dựng tại Công văn số 2589/BXD-QLN ngày 17 tháng 10 năm 2018 về triển khai thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ *(viết tắt là Quyết định số 33)* về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 *(Chương trình hỗ trợ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2).*

Xác định là một nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh, phấn đấu hoàn thành việc hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Sơn La trong năm 2020, UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện hỗ trợ đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33 trên địa bàn tỉnh với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Huy động sức mạnh của hệ thống chính trị và toàn xã hội vào công tác giảm nghèo, nhằm cải thiện chất lượng nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn

định, từng bước nâng cao mức sống và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đồng thời góp phần giảm nghèo bền vững và đạt mục tiêu chung của tỉnh Sơn La đến cuối năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 19,42%.

- Phấn đấu hoàn thành việc thực hiện hỗ trợ về nhà ở cho **6.152 hộ** nghèo có nhu cầu vay vốn trên địa bàn tỉnh trong 02 năm *(2019, 2020).*

2. Yêu cầu

- Việc hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo trên địa bàn tỉnh phải được các cấp, các ngành triển khai với nỗ lực và quyết tâm cao nhất; huy động sự tham gia của toàn bộ hệ thống chính trị, cộng đồng xã hội, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhằm hỗ trợ, cải thiện chất lượng nhà ở cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh; Ban Chỉ đạo, UBND các cấp, các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ phải nâng cao trách nhiệm trong công tác tham mưu, phối hợp và tổ chức thực hiện để đảm bảo mục tiêu đề ra;

- Việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo phải tuân thủ theo các quan điểm, nguyên tắc và yêu cầu đã được quy định tại Quyết định số 33;

- Đảm bảo hỗ trợ xây dựng nhà ở đúng đối tượng là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 – 2015.

- Sau khi được hỗ trợ, các hộ gia đình phải xây dựng được nhà ở mới hoặc sửa chữa nhà ở đang có, đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 24 m^2 *(đối với những hộ độc thân không nơi nương tựa, có thể xây dựng nhà ở có diện tích sử dụng nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 18 m^2);* tuổi thọ căn nhà từ 10 năm trở lên, nhà ở phải đảm bảo an toàn khi xảy ra bão, tố, lốc, phải đảm bảo tiêu chuẩn "03 cứng" *(nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng),* không làm từ các loại vật liệu tạm, mau hỏng, dễ cháy.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, nâng cao nhận thức thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh

a) Nội dung: Thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông để góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo, khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo của người nghèo, hộ nghèo, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo về vững; Tuyên truyền, phổ biến

trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử của tỉnh về chủ trương thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo ở trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 33, Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2018 của Bộ xây dựng và Đề án điều chỉnh hỗ trợ nghèo về nhà ở.

b) Cơ quan thực hiện: Các cơ quan thông tấn báo chí *(Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh; Báo Sơn La,..);* UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh; UBMT Tổ quốc Việt Nam huyện; các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2019 và năm 2020.

2. Đối tượng, điều kiện được hỗ trợ

2.1. Đối tượng được hỗ trợ

- Hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo quy định của Quyết định số 33 phải là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015, có trong danh sách hộ nghèo do UBND cấp xã quản lý tại thời điểm Quyết định 33 có hiệu lực thi hành và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Quyết định 33 có hiệu lực thi hành tối thiểu 05 năm.

- Theo kết quả sau rà soát, tổng số hộ thuộc diện được hỗ trợ theo Đề án điều chỉnh là **10.157 hộ** *(bao gồm các hộ đã được hỗ trợ trong giai đoạn 2016-2018)*, trong đó:

+ Số hộ giảm so với Đề án 3081 do không có nhu cầu vay vốn và không đúng đối tượng thuộc diện được hỗ trợ: **1.326 hộ**.

+ Số hộ phát sinh ngoài Đề án 3081: **661 hộ**.

- Tổng số hộ sau rà soát cần thực hiện trong giai đoạn 2019 - 2020: 10.157 - 4.005[1] = **6.152 hộ** *(Có Phụ lục số 01 kèm theo)*.

2.2. Điều kiện được hỗ trợ nhà ở

- Chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở;

- Chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác;

---

[1] Số hộ đã thực hiện hỗ trợ trong giai đoạn 2016-2018

- Trường hợp đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác thì phải thuộc các đối tượng sau: Nhà ở đã bị sập đổ hoặc hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ do thiên tai gây ra như: Bão, lũ, lụt, động đất, sạt lở đất, hỏa hoạn nhưng chưa có nguồn vốn để sửa chữa, xây dựng lại. Đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác có thời gian từ 08 năm trở lên tính đến thời điểm Quyết định số 33/2015-QĐ-TTg có hiệu lực thi hành nhưng nay nhà ở đã hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sụp đổ.

3. Mức hỗ trợ hộ nghèo xây dựng, sửa chữa nhà ở

Hộ gia đình thuộc diện đối tượng theo quy định của Quyết định số 33 có nhu cầu vay vốn, được vay tối đa 25 triệu đồng/hộ từ Ngân hàng Chính sách xã hội để xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở. Lãi suất vay 3%/năm; thời hạn vay là 15 năm, trong đó thời gian ân hạn là 5 năm. Thời gian trả nợ tối đa là 10 năm bắt đầu từ năm thứ 6, mức trả nợ mỗi năm tối thiểu là 10% tổng số vốn đã vay.

4. Nguồn vốn thực hiện

- Ngoài nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ra còn bao gồm các nguồn vốn mà tỉnh Sơn La dự kiến huy động được để thực hiện hỗ trợ.

- Nguồn vốn huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ.

5. Thời gian thực hiện

Hoàn thành hỗ trợ cho **6.152 hộ** theo Đề án điều chỉnh trong năm 2019 và năm 2020 sau khi có nguồn vốn tín dụng được Trung ương giao, cụ thể đối với từng năm:

- Năm 2019: Thực hiện hỗ trợ khoảng 50% số đối tượng: 3.076 hộ.

- Năm 2020: Thực hiện hỗ trợ khoảng 50% số đối tượng: 3.076 hộ.

6. Cấp, giải ngân vốn vay làm nhà ở

6.1. Cấp vốn vay làm nhà ở

- Đối với vốn vay, hộ gia đình thực hiện thủ tục, quy trình vay vốn theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội;

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện xác nhận tiến độ xây dựng nhà ở của hộ nghèo trên địa bàn và có văn bản tổng hợp gửi Ngân hàng Chính sách xã hội;

- Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện giải ngân 100% vốn vay theo

quy định đối với những hộ gia đình thực hiện xây dựng mới nhà ở sau khi hoàn thành phần móng và đối với những hộ gia đình thực hiện sửa chữa, cải tạo nhà ở đã có sau khi hoàn thành 30% khối lượng công việc.

6.2. Giải ngân vốn vay

- UBND cấp xã thực hiện xác nhận tiến độ xây dựng nhà ở của hộ nghèo trên địa bàn và có văn bản tổng hợp gửi Ngân hàng Chính sách xã hội;

- Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện giải ngân 100% vốn vay theo quy định đối với những hộ gia đình thực hiện xây dựng mới nhà ở sau khi hoàn thành phần móng và đối với những hộ gia đình thực hiện sửa chữa, cải tạo nhà ở đã có sau khi hoàn thành 30% khối lượng công việc.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ

1. Kinh phí cần thực hiện Đề án điều chỉnh

Tổng nguồn vốn cần thực hiện Đề án điều chỉnh là: **399,88 tỷ đồng**, trong đó:

- Vốn tín dụng ưu đãi: **153,80** tỷ đồng.

- Các nguồn vốn khác: **246,08** tỷ đồng.

(Có Phụ lục số 02 kèm theo).

2. Chi phí quản lý

Ủy ban nhân dân Tỉnh sử dụng ngân sách địa phương để bố trí kinh phí quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách (cho các cấp tỉnh, huyện, xã) với mức tối đa không quá 0,5% tổng vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện chính sách theo quy định.

3. Tiến độ huy động vốn

3.1. Năm 2019

- Kinh phí thực hiện hỗ trợ sau rà soát là 199,94 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn vay tín dụng ưu đãi: 3.076 hộ x 25 triệu đồng/hộ = 76,90 tỷ đồng;

+ Vốn huy động khác: 3.076 hộ x 40 triệu đồng/hộ = 123,04 tỷ đồng.

3.2. Năm 2020

- Kinh phí thực hiện hỗ trợ sau rà soát là 199,94 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn vay tín dụng ưu đãi: 3.076 hộ x 25 triệu đồng/hộ = 76,90 tỷ đồng;

+ Vốn huy động khác: 3.076 hộ x 40 triệu đồng/hộ = 123,04 tỷ đồng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng:

1.1. Là cơ quan thường trực chỉ đạo thực hiện, tổ chức hướng dẫn, đôn đốc UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Đề án; Tổng hợp, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh tình hình và tiến độ thực hiện về hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng tháng, quý và năm hoặc đột xuất gửi các Bộ, Ngành có liên quan và báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

1.2. Phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội xác định đảm bảo đúng đối tượng hộ nghèo có khó khăn về nhà ở theo quy định; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ;

1.3. Tham mưu cho UBND tỉnh xử lý các vi phạm trong việc thực hiện hỗ trợ về nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ đăng ký kế hoạch nguồn vốn ngân sách Nhà nước hàng năm của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Xây dựng, cân đối, bố trí vốn, cấp bù chênh lệch lãi suất cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg.

3. Sở Tài chính

3.1. Trên cơ sở tổng số cấp bù chênh lệch lãi suất do Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tổng hợp, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Xây dựng kiểm tra, báo cáo UBND tỉnh thực hiện khấu trừ vào tổng mức cấp bù chênh lệch lãi suất từ ngân sách Trung ương cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;

3.2. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí do Trung ương cấp; Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính, Sở Tài chính chủ trì hướng dẫn sử dụng chi phí quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Đề án;

3.3. Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Xây dựng cân đối, bố trí vốn, cấp bù chênh lệch lãi suất kịp thời cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo quy định.

4. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

4.1. Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra xác định đảm bảo đúng đối tượng

hộ nghèo có khó khăn về nhà ở theo quy định; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ.

4.2. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện, giải quyết những phát sinh vướng mắc về đối tượng theo thẩm quyền.

5. Ban Dân tộc tỉnh:

5.1. Phối hợp các địa phương tuyên truyền mục tiêu, ý nghĩa của việc hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo của Chính phủ nhằm nâng cao ý thức thoát nghèo, nỗ lực vươn lên thoát nghèo bền vững trong cộng đồng là đồng bào dân tộc thiểu số.

5.2. Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố xác định thôn đặc biệt khó khăn; phối hợp với các Sở, Ngành và địa phương kiểm tra việc thực hiện chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Sơn La

Chỉ đạo theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

7. Ngân hành Chính sách Xã hội tỉnh

7.1. Hàng năm xây dựng kế hoạch sử dụng vốn và kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; thực hiện cho vay, thu hồi nợ vay và xử lý nợ rủi ro theo quy định hiện hành.

7.2. Hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, thủ tục vay vốn theo quy định đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện; phối hợp với Sở Tài chính trong việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí do Trung ương cấp.

7.3. Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng về tiến độ giải ngân vốn vay để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

8. UBND các huyện, thành phố

8.1. Chỉ đạo, thực hiện rà soát, kiểm tra theo báo cáo của UBND cấp xã; Giao phòng Kinh tế - Hạ tầng đối với UBND các huyện, phòng Quản lý đô thị thành phố đối với UBND thành phố là cơ quan thường trực giúp việc cho UBND các huyện, thành phố, chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 theo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

8.2. Chịu trách nhiệm tổng hợp, phê duyệt danh sách đối tượng hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở trên địa bàn, báo cáo UBND tỉnh và gửi Sở Xây dựng tổng hợp.

8.3. Tổ chức thực hiện Đề án được duyệt theo đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng trên địa bàn huyện; Thường xuyên kiểm tra giám sát, đôn đốc UBND các xã, phường thị trấn triển khai thực hiện.

8.4. Kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi phạm trong việc thực hiện hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg và Thông tư số 08/2015/TT-BXD.

9. UBND cấp xã

9.1. Chịu trách nhiệm rà soát, lập danh sách đối tượng hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở trên địa bàn (số lượng, họ tên, mức vốn đề nghị hỗ trợ), phân loại đối tượng ưu tiên theo đúng quy định, đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch báo cáo UBND cấp huyện.

9.2. Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc sử dụng tiền hỗ trợ về nhà ở đúng mục đích và giúp đỡ các hộ gia đình trong quá trình xây dựng nhà ở.

9.3. Tổ chức nghiệm thu xác nhận khối lượng xây dựng hoàn thành theo giai đoạn *(hoàn thành phần móng đối với những hộ gia đình xây dựng mới hoặc hoàn thành 30% khối lượng công việc xây dựng đối với những hộ gia đình thực hiện sửa chữa, nâng cấp nhà ở đã có)* và xác nhận hoàn thành công trình đưa vào sử dụng để làm cơ sở giải ngân và thanh toán vốn vay theo quy định. Mỗi loại biên bản lập 03 bản: 01 bản chủ hộ giữ, 01 bản gửi phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Kinh tế - Hạ tầng đối với UBND các huyện, phòng Quản lý đô thị thành phố đối với UBND thành phố, 01 bản UBND cấp xã tổng hợp gửi Ngân hàng Chính sách xã hội để giải ngân vốn vay.

10. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Sơn La

Chỉ đạo các cấp bộ Đoàn tuyên truyền, phổ biến chính sách; tham gia vận động các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng ủng hộ bằng tiền, vật liệu xây dựng hoặc ngày công lao động để giúp đỡ các hộ nghèo xây dựng nhà ở; tham gia, phối hợp với UBND cấp xã tổ chức xây dựng nhà ở cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật).

11. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Sơn La

11.1. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Ngày vì người nghèo", phối hợp với UBND tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tích cực vận động tạo thêm nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở; đồng thời thực hiện chức năng giám sát quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo đảm bảo đúng mục tiêu và yêu cầu.

11.2. Phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, Ngành liên quan trong việc phân bổ nguồn vốn do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Sơn La và các doanh nghiệp ủng hộ, giúp đỡ, hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, địa phương phản ảnh, kiến nghị về Sở Xây dựng, để tổng hợp, tham mưu với UBND tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Minh

Nơi nhận:
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ Lao động – Thương bình và Xã hội (b/c);
- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở: Xây dựng; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Sơn La;
- Đoàn Thanh niên cộng sản HMC tỉnh Sơn La;
- Ngân hàng chính sách - xã hội tỉnh;
- Báo Sơn La;
- Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu VT, TH, KG-VX, KT$_{Quý}$, 50bản.

Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ ÁN ĐIỀU CHỈNH

SỐ HỘ THUỘC ĐỐI TƯỢNG TỰ NGUYỆN ĐĂNG KÝ VAY VỐN LÀM NHÀ Ở THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 33/2015/QĐ-TTG

(Kèm theo Kế hoạch số 129 /KH-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị tính: Hộ gia đình

TT	Tên đơn vị	Tổng số hộ sau khi rà soát	Tổng số hộ đã thực hiện hỗ trợ trong giai đoạn 2016-2018	SỐ HỘ THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐỀ ÁN ĐIỀU CHỈNH								Ghi chú
				Tổng số hộ nghèo còn lại cần thực hiện hỗ trợ trong giai đoạn 2019-202	Phân loại thep đối tượng ưu tiên							
					Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP	Hộ gia đình còn lại	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
	Tổng cộng	**10.157**	**4.005**	**6.152**	**395**	**4.808**	**14**	**578**	**38**	**161**	**158**	
1	Thành phố Sơn La	**1**	**1**	**-**	-	-	-	-	-	-	-	
2	Huyện Mường La	**1.148**	**572**	**576**	19	557	-	-	-	-	-	
3	Huyện Mai Sơn	**976**	**406**	**570**	25	490	-	1	2	-	52	
4	Huyện Sốp Cộp	**629**	**300**	**329**	153	176	-	-	-	-	-	
5	Huyện Sông Mã	**854**	**443**	**411**	15	374	-	4	10	-	8	
6	Huyện Quỳnh Nhai	**132**	**46**	**86**	9	77	-	-	-	-	-	
7	Huyện Thuận Châu	**2.195**	**489**	**1.706**	9	1.689	-	-	-	-	8	
8	Huyện Phù Yên	**1.255**	**463**	**792**	75	401	1	168	-	147	-	
9	Huyện Bắc Yên	**451**	**323**	**128**	36	30	8	39	6	9	-	
10	Huyện Mộc Châu	**195**	**152**	**43**	6	37	-	-	-	-	-	
11	Huyện Yên Châu	**1.236**	**442**	**794**	19	667	-	-	18	-	90	
12	Huyện Vân Hồ	**1.085**	**368**	**717**	29	310	5	366	2	5	-	

Phục lục số 02

BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐIỀU CHỈNH
HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 33/2015/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tên đơn vị	RÀ SOÁT ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN ĐIỀU CHỈNH								NGUỒN VỐN CẦN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
		Tổng nguồn vốn giảm				Tổng nguồn vốn phát sinh				Tổng số hộ thuộc đối tượng tư nguyện đăng ký vốn	Nguồn vốn thực hiện			
		Tổng số hộ đề nghị đưa ra khỏi danh sách	Tổng số vốn	Vốn vay tín dụng ưu đãi *(25 triệu đồng)*	Các nguồn vốn khác *(40 triệu đồng)*	Tổng số hộ phát sinh ngoài Đề án	Tổng số vốn	Vốn vay tín dụng ưu đãi *(25 triệu đồng)*	Các nguồn vốn khác *(40 triệu đồng)*		Tổng số vốn	Vốn vay tín dụng ưu đãi *(25 triệu đồng)*	Các nguồn vốn khác *(40 triệu đồng)*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	Thành phố Sơn La	**12**	**780**	300	480	**0**	**0**	0	0	**0**	0	0	0	
2	Huyện Mường La	**239**	**15.535**	5.975	9.560	**0**	**0**	0	0	**576**	37.440	14.400	23.040	
3	Huyện Mai Sơn	**139**	**9.035**	3.475	5.560	**0**	**0**	0	0	**570**	37.050	14.250	22.800	
4	Huyện Sốp Cộp	**34**	**2.210**	850	1.360	**56**	**3.640**	1.400	2.240	**329**	21.385	8.225	13.160	
5	Huyện Sông Mã	**366**	**23.790**	9.150	14.640	**0**	**0**	0	0	**411**	26.715	10.275	16.440	
6	Huyện Quỳnh Nhai	**11**	**715**	275	440	**31**	**2.015**	775	1.240	**86**	5.590	2.150	3.440	
7	Huyện Thuận Châu	**0**	**0**	0	0	**0**	**0**	0	0	**1.706**	110.890	42.650	68.240	
8	Huyện Phù Yên	**16**	**1.040**	400	640	**50**	**3.250**	1.250	2.000	**792**	51.480	19.800	31.680	
9	Huyện Bắc Yên	**85**	**5.525**	2.125	3.400	**70**	**4.550**	1.750	2.800	**128**	8.320	3.200	5.120	
10	Huyện Mộc Châu	**311**	**20.215**	7.775	12.440	**18**	**1.170**	450	720	**43**	2.795	1.075	1.720	
11	Huyện Yên Châu	**9**	**585**	225	360	**24**	**1.560**	600	960	**794**	51.610	19.850	31.760	
12	Huyện Vân Hồ	**104**	**6.760**	2.600	4.160	**412**	**26.780**	10.300	16.480	**717**	46.605	17.925	28.680	
TỔNG CỘNG		**1.326**	**86.190**	**33.150**	**53.040**	**661**	**42.965**	**16.525**	**26.440**	**6.152**	**399.880**	**153.800**	**246.080**	